

TÌM HIỂU HỆ THỐNG THỦ PHỦ THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

(Còn nữa)

PHAN THANH HẢI*

Thành phố Huế ngày nay được xem là một trong những trung tâm văn hóa, khoa học của Việt Nam. Những đặc trưng nổi bật của Huế về mặt đô thị đã được các nhà nghiên cứu thừa nhận, như thành phố có sự quy hoạch theo thuyết phong thủy, thành phố nhà vườn-thành phố thơ, thành phố có sự hài hòa tuyệt diệu giữa cổ kính và hiện đại... Nhưng Huế có nguồn gốc từ đâu và được hình thành từ bao giờ, lại là vấn đề đang còn được tranh luận. Trong bài viết này, bằng cứ liệu thư tịch và kết quả khảo sát bước đầu chúng tôi giới thiệu một cách hệ thống thủ phủ thời chúa Nguyễn tại Đàng Trong (1558-1775), nhằm góp phần tìm hiểu nguồn gốc hình thành đô thị Huế.

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CÁC THỦ PHỦ DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN (1558-1775)

1. Các chúa Nguyễn với sự hình thành vùng Thuận Quảng và Đàng Trong

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), Đoàn quận công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa. Cùng đi với ông có cả đoàn tùy tùng hơn ngàn người đều là nghĩa dũng hai xứ Thanh-Nghệ. Uy tín và tài đức đã giúp ông quy tập về dưới trướng nhiều tướng giỏi như Nguyễn Ứ Kỷ, Tống Phước Trị,

Mạc Cảnh Huống..., họ đã hết lòng cùng nhau mưu tính để xây dựng cơ nghiệp trên miền đất mới.

Để thuần hóa đất dữ Ô Châu trong buổi ban đầu vô cùng gian nan ấy, Nguyễn Hoàng đã sử dụng chính sách "võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, nhẹ xâu thuế...". Chính quyền được xây dựng theo kiểu thể chế quân sự của ông có kỷ luật rất nghiêm minh, chưa từng xâm hại đến lợi ích dân chúng. Đường lối chính sự khoan hòa, rộng rãi đó đã khiến các tầng lớp dân chúng đều tin yêu, khâm phục và thường gọi (ông) là chúa Tiên. Đạt được "nhân hòa" thì mọi chuyện đã trở nên thuận lợi. Nguyễn Hoàng đã lần lượt dẹp yên các cuộc chống đối trong xứ và đánh tan các lân tấn công xâm nhập của các thế lực thù địch. Nội bộ thống nhất, bên ngoài yên tĩnh, Thuận Hóa mới sau hơn 10 năm kể từ ngày có Tiên chúa thì "nhân dân đều an cư lạc nghiệp. Chợ không bán hai giá, không có trộm cướp, thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn" (1).

Với hơn nửa thế kỷ cai trị đất Thuận Quảng (1558-1613), Nguyễn Hoàng đã đạt được những thành công rực rỡ. Không những không bị vùng ác địa Ô Châu tiêu diệt như toan tính của Trịnh Kiểm, mà trái lại, với bản lĩnh, tài năng và ý chí phi

* Th.s. Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế.

thường của mình Nguyễn Hoàng đã biến nơi đây thành một căn cứ địa hùng mạnh - nền móng cho một cơ nghiệp vĩ đại mà con cháu ông sẽ kế tục.

Trên cơ sở ấy, con cháu Nguyễn Hoàng đã xây dựng Đàng Trong ngày càng lớn mạnh; Khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ năm 1627, Đàng Trong đã được củng cố khá vững chắc, đủ sức đương đầu với Chính quyền Đàng Ngoài của vua Lê chúa Trịnh.

Trong sự hình thành và phát triển của Đàng Trong, miền Thuận Hóa có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đây không chỉ là cơ sở đầu tiên, là trạm trung chuyển của lớp lớp người Việt trên con đường Nam tiến mà còn luôn đóng vai trò là đầu não chính trị, quân sự và là một trung tâm kinh tế, văn hóa của cả Đàng Trong.

Đàng Trong là vùng đất mới đầy biến động: Biến động về chính trị, dân cư, lãnh thổ... Trong hơn 200 năm xây dựng mảnh đất này, để tìm một vị trí đắc địa, chúa Nguyễn đã 8 lần thay đổi dời dựng vị trí thủ phủ, nhưng tất cả chúng đều nằm trong phạm vi Thuận Hóa. Có nhiều lý do để giải thích điều này: Thuận Hóa - về sau chủ yếu là Huế - có địa hình hiểm trở, cảnh sắc lại tươi đẹp nên phù hợp với vị trí đóng đô; Cư dân Thuận Hóa tương đối thuần nhất bởi được Việt hóa lâu đời nhất và hơn thế - dù chỉ trong truyền thuyết - Thuận Hóa vốn là đất cũ của người Việt! Giáo sư Trần Quốc Vượng còn cho rằng: "Chúa Nguyễn đóng đô ở xứ Huế mà không ở xứ Quảng vì còn luôn phải "để mắt về hướng Bắc" canh chừng sự xâm lấn của tập đoàn chúa Trịnh. Vượt Hải Vân mà vô xứ Quảng thì cả miền Bình Trị Thiên dễ lọt vào tay chúa Trịnh. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng các vua Chăm Pa đóng đô ở Nam Hải Vân nên luôn luôn để mắt đất từ Bắc Hải Vân

trở ra cho Trung Hoa rồi Đại Việt đấy thôi?" "Chúa ở Phú Xuân, thế tử ở xứ Quảng" là công thức tối ưu" (2).

Dù khác nhau về vị trí, quy mô và mức độ ảnh hưởng nhưng thủ phủ của chúa Nguyễn qua các thời kỳ luôn luôn có vai trò quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển của Đàng Trong. Ngoài tư cách là đầu não về chính trị, quân sự, càng về sau, thủ phủ càng phát triển theo hướng trở thành một trung tâm về kinh tế, văn hóa và có ảnh hưởng quyết định đến tiến trình đô thị hóa của khu vực. Riêng đối với sự hình thành của Huế, các thủ phủ còn là những bước khởi đầu tạo nên những đặc trưng quan trọng của đô thị này.

2. Những thủ phủ thời kỳ trước Huế

a. Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát - Những thủ phủ đầu tiên bên bờ sông Thạch Hãn

Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát là những dinh phủ đầu tiên của chúa Nguyễn trên đất Quảng Trị, chúng đều nằm bên bờ sông Thạch Hãn. Theo các tư liệu lịch sử, sau khi nhận ấn trấn thủ đất Thuận Hoá vào tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng cùng đoàn tùy tùng đã dừng chân và lập dinh tại Ái Tử; Đến năm 1572, ông chuyển dinh qua Trà Bát và đóng tại đó đến năm 1600 thì chuyển về Dinh Cát cho đến khi chuyển vào Phước Yên, năm 1626. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu thư tịch cổ cùng kết quả khảo sát trên thực địa, chúng tôi đã xác định được vị trí của các dinh phủ này. Cụ thể chúng được xác định như sau:

Dinh Ái Tử

Trung tâm của dinh đóng tại Cồn Cát, trên đó có Cồn Kho. Thủ phủ này hướng mặt về phía Đông, hơi chệch về Đông-Bắc, tức gần như thẳng góc với sông Thạch Hãn. Trước mặt dinh có Chợ Hòm Ái Tử, phía

Tây Bắc có Mô Súng, Tàu Tượng. Xung quanh có vòng tường thành bao bọc đắp đơn sơ bằng đất, cát. Vòng tường này có giới hạn về phía Tây-Bắc ở vị trí Thành Ao, còn các phía khác có lẽ chỉ đến hết chân cồn cát này (Xem sơ đồ 1).

Dinh Trà Bát

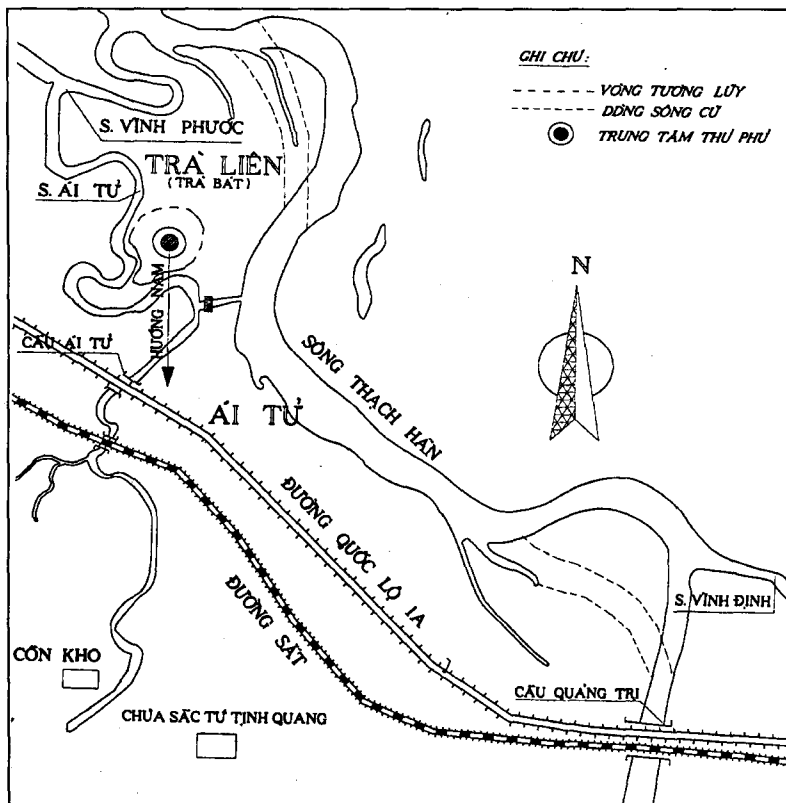
Trung tâm của thủ phủ thứ hai này nằm tại khu vực chùa Liễu Bông mà ở trên chúng tôi đã xác định vị trí. Vòng tường lũy men theo bờ sông Ái Tử chạy quanh co ở mặt Nam và Tây. Ở phía Tây Bắc và phía Bắc, vòng tường lũy của thủ phủ chạy men theo chân đồi cát (tức Cồn Dinh), giáp với các cánh đồng lúa nước. Còn ở mặt Đông, vòng tường lũy ấy sẽ cắt ngang khoảng 1/2 Cồn Dinh, đoạn cồn cát này bỗng nhiên thấp hẳn xuống mà hiện nay là lòng của một dòng sông cạn, dấu vết của nước sông

Ái Tử băng qua trong mùa lũ lụt. Hướng của thủ phủ là hướng Nam. Bên trong vòng lũy này có một số địa danh là Xưởng, nằm ở phía Tây và Tây Bắc. Bên ngoài tường lũy cũng có các dấu tích liên quan đến thủ phủ Trà Bát: Bài Trận, Đò Xưởng... (Xem sơ đồ 2).

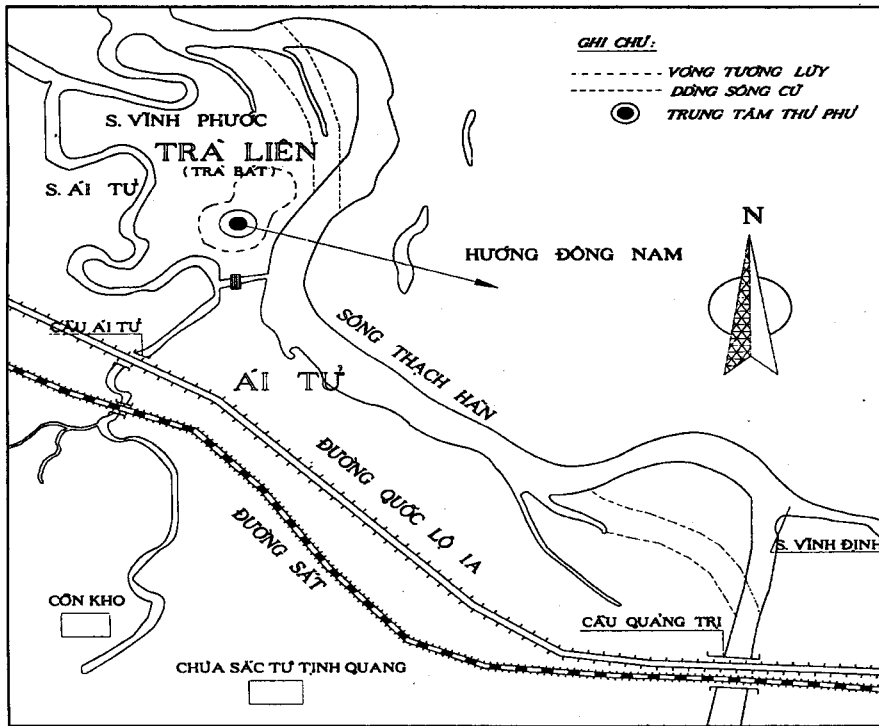
Dinh Cát

Trung tâm của Dinh Cát nằm tại khu vực Thủ Thờ, ở phần phía Đông của Cồn Dinh. Thủ phủ này hướng mặt về phía Đông-Nam, thẳng góc với dòng sông Thạch Hãn. Vòng tường lũy bằng đất cát của Dinh Cát chạy men theo bờ sông Thạch Hãn và sông Ái Tử ở phía Đông và phía Nam. Ở phía Tây và phía Bắc, nó cắt qua 1/2 Cồn Dinh (gần trùng với ranh giới tường lũy phía Đông của dinh Trà Bát) và chạy ra hết chân Cồn Dinh, giáp các ruộng lúa.

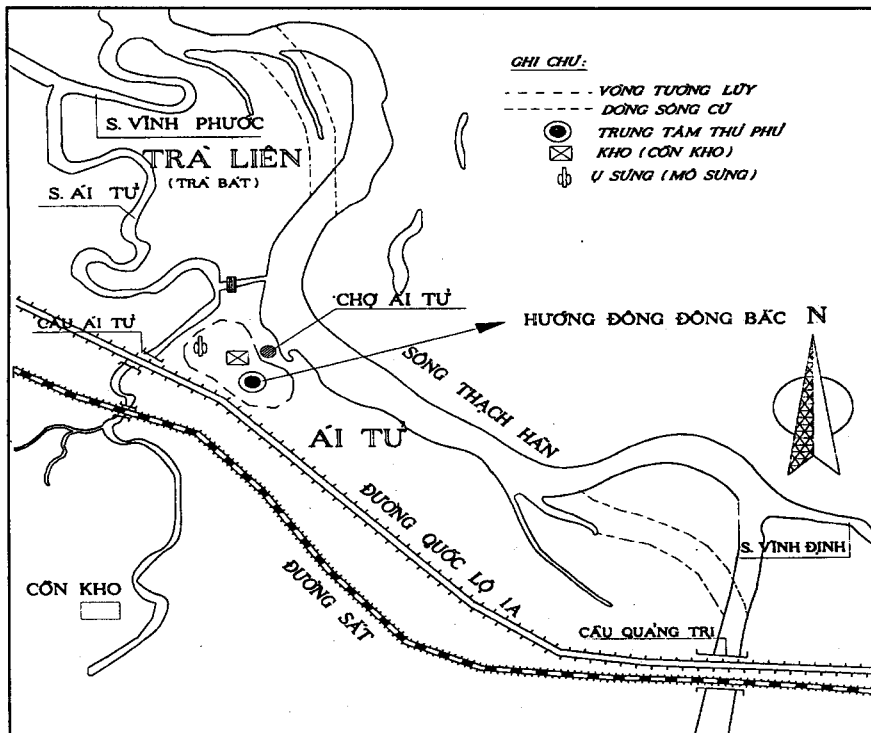
SƠ ĐỒ 1: VỊ TRÍ DINH ÁI TỬ



SƠ ĐỒ 2: VỊ TRÍ DINH TRÀ BÁT



SƠ ĐỒ 3: VỊ TRÍ DINH CÁT



Trước mặt Dinh Cát, tức khu vực Ghềnh Phủ Phước Châu, xưa kia là bến cảng và có thể có cả chợ (Xem sơ đồ 3) (3).

Các thủ phủ Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát đều thể hiện tính chất quân sự đậm nét, chúng không chỉ là trung tâm đầu não về quân sự, chính trị của Thuận Hoá, rồi Đàng Trong hồi ấy mà còn là trung tâm về hành chính, kinh tế của xứ sở trong thời kỳ này.

Về mặt hành chính, chúa Nguyễn và các tướng lĩnh đứng đầu quân đội cũng chính là những người cầm đầu bộ máy chính quyền trung ương tại thủ phủ. Ngay cả sau khi thủ phủ đã chuyển vào Phước Yên thì nơi đây vẫn là trung tâm hành chính, quân sự của Cự Dinh Quảng Trị. Mãi đến năm 1807, nó mới được dịch chuyển về làng Thạch Hãn - tức vị trí của thành Quảng Trị hiện nay.

Về mặt kinh tế, những dấu vết xung quanh khu vực các thủ phủ trên, nhất là dọc theo bờ sông Thạch Hãn, đã xác nhận rằng, có một thời kỳ khu vực này từng đã là "nơi đô hội lớn, thuyền buôn nước ngoài đến nhiều" (4). Nền ngoại thương của Đàng Trong với chính sách mở cửa, khuyến khích của các chúa Nguyễn đã có những bước phát triển rực rỡ và đưa lại những hiệu quả đặc biệt đối với việc phát triển nền kinh tế. Dĩ nhiên, trong các luồng trao đổi buôn bán của tàu buôn nước ngoài với Đàng Trong lúc bấy giờ, khu vực thủ phủ các chúa Nguyễn phải là một trọng điểm. Theo chúng tôi, rất có thể vùng đất ở bờ phía Tây sông Thạch Hãn từ phía dưới Chợ Hòm Ái Tử đến Ghềnh Phủ Phước Châu chính là khu vực bến cảng ngày xưa. Tuy nhiên, sau khi thủ phủ chúa Nguyễn chuyển vào phía trong, thì vai trò trung tâm kinh tế-ngoại thương của nó đã mất dần vị thế. Nó nhanh chóng trở về bộ mặt của các làng xã Việt

Nam cổ truyền. Đây cũng là một hiện tượng phổ biến của đô thị Việt Nam thời trung cổ.

Ba thủ phủ này có một số đặc điểm nổi bật như sau:

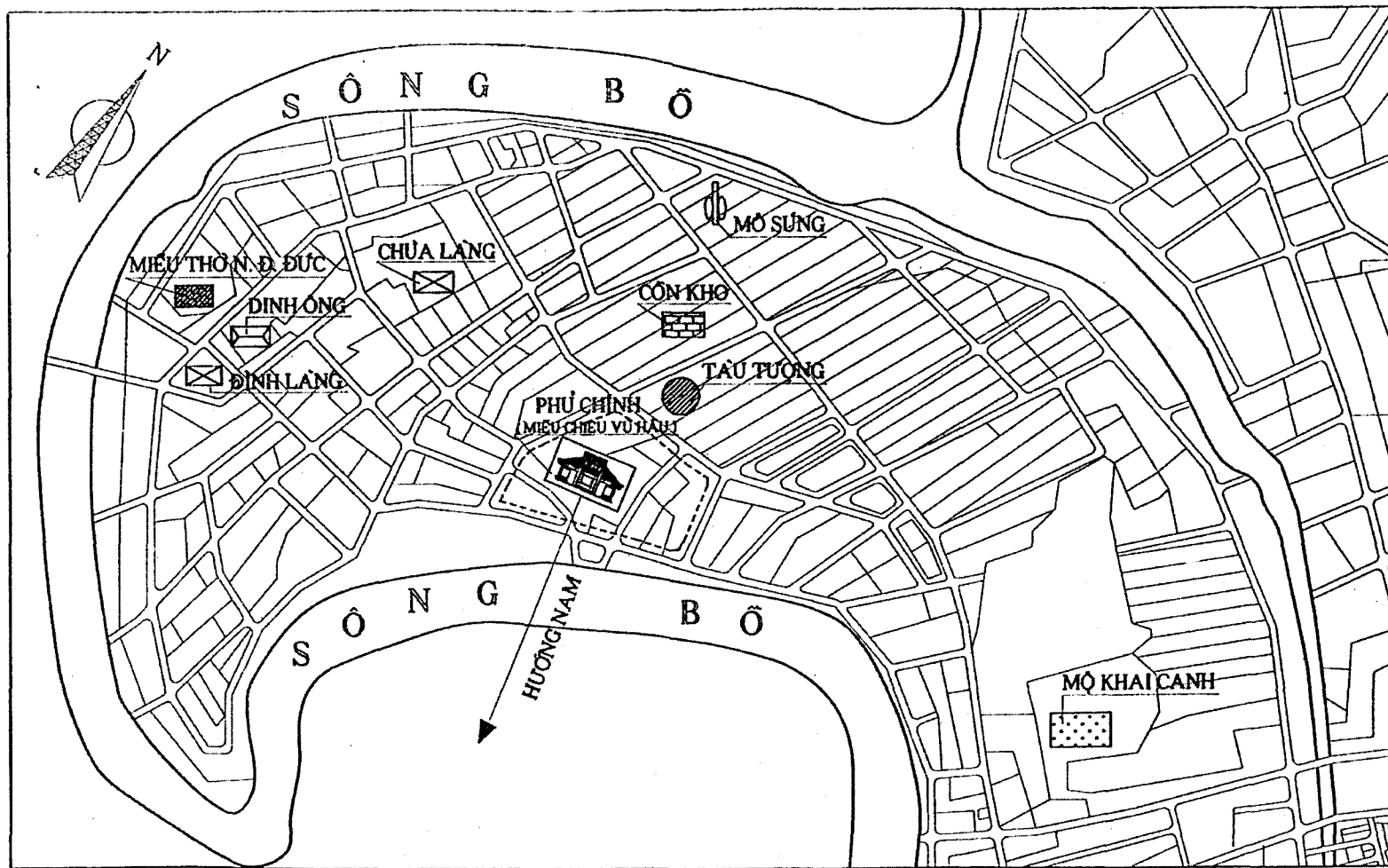
- Chúng đều nằm bên bờ Tây sông Thạch Hãn, hướng mặt về phía trong (Đông-Nam, Nam), biểu hiện rất rõ xu hướng "Nam tiến" của thời kỳ này. Vị trí của chúng mang đậm tính quân sự, vừa khống chế con đường bộ chính từ Bắc vào Nam-đường Thiên Lý, vừa khống chế tuyến đường thuỷ quan trọng từ biển vào đây và vào phía Nam (bằng sông Vĩnh Định). Cả ba dinh đều có sông bao bọc chung quanh làm hào tự nhiên che chắn. Đó là hệ thống sông Thạch Hãn, Ái Tử và Vĩnh Phước. Tiên chúa Nguyễn Hoàng nhận thức rất rõ vai trò quan trọng của hệ thống này nên lực lượng quân đội chính đều được bố trí phòng thủ ở những vị trí then chốt¹.

- Các thủ phủ đầu tiên này đều đóng trên hoặc gần các khu vực có nhiều di tích của văn hoá Chăm-pa: Khu vực Cổ Thành, Thạch Hãn, Ái Tử, Trà Bát... Điều này chứng tỏ trên con đường Nam tiến của mình, chúa Nguyễn đã rất biết kế thừa các thành tựu của người bản địa: Đặt thủ phủ trên những trung tâm của người Chăm xưa. Hiện tượng này còn thấy lặp lại nhiều lần trên toàn bộ hệ thống thủ phủ các chúa Nguyễn.

b. Phước Yên (1626-1636), Bắc Vọng (1712-1738) - Những thủ phủ ven sông Bồ

Sau 68 năm tồn tại (1558-1626), thủ phủ chúa Nguyễn đã được chuyển từ Dinh Cát vào Phước Yên bên sông Bồ, cách đó hơn 40km về phía Nam. Nguyên nhân chính của việc dịch chuyển này theo chúng tôi, có lẽ là lý do chính trị. Chúa Nguyễn muốn tăng cường bảo vệ cơ quan đầu não của mình

SƠ ĐỒ 4: KHU VỰC PHỦ PHƯỚC YÊN (1626-1636)
(Về căn cứ trên bản đồ giải thửa hiện đại, tỷ lệ 1/5000)



khi nguy cơ chiến tranh với quân Trịnh đã đến rất gần (năm 1627 đã nổ ra trận chiến đầu tiên). Hơn nữa, công cuộc Nam tiến đến lúc này đã đạt được nhiều kết quả lớn nên việc chuyển trung tâm chính trị của Đàng Trong về phía Nam là công việc hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên thời điểm giữa Phước Yên và Bắc Vọng thì thủ phủ chúa Nguyễn cũng đã được xây dựng bên bờ sông Hương như Kim Long (1636-1687) và Phú Xuân lần thứ nhất (1687-1712). Trong phần này chúng tôi chỉ trình bày những thủ phủ ở lưu vực sông Bồ là Phước Yên (1626-1636) và Bắc Vọng (1712-1738).

Phủ Phước Yên (1626-1636)

Đây là thủ phủ thứ 4 của các chúa Nguyễn tại Đàng Trong. Tuy chỉ tồn tại trong 10 năm (1626-1636), nhưng các dấu tích của một thời thủ phủ tại Phước Yên vẫn còn rất đậm nét. Tổng hợp tất cả những nguồn tư liệu và khảo sát thực địa, chúng tôi đã phác họa được quy mô và sự bố trí của thủ phủ Phước Yên (Xem sơ đồ 4).

Nghiên cứu địa thế vùng Phước Yên chúng ta thấy rằng, việc chúa Nguyễn Phúc Nguyên dời thủ phủ từ Dinh Cát vào đây là hoàn toàn hợp lý. Phước Yên có địa bàn khá rộng và bằng phẳng, xung quanh có sông Bồ bao bọc. Thế đất kiểu “tứ thủy triều quy” này vừa đẹp về địa lý, vừa tiện về giao thông, lại thuận lợi về phòng ngự. Phước Yên lại nằm trên tuyến đường chính từ Bắc vào Nam. Từ đây có thể xuôi xuống thành Hóa Châu, đến phá Tam Giang, ra biển rất dễ dàng.

Việc chuyển vị trí thủ phủ từ hệ thống sông Thạch Hãn vào hệ thống sông Bồ để thông suốt xuống thành Hóa Châu, phủ lỵ của phủ Triệu Phong cũ, chứng tỏ lực lượng quân sự của chúa Nguyễn đã lớn mạnh lên rất nhiều. Đến đây, chúa Nguyễn Phúc

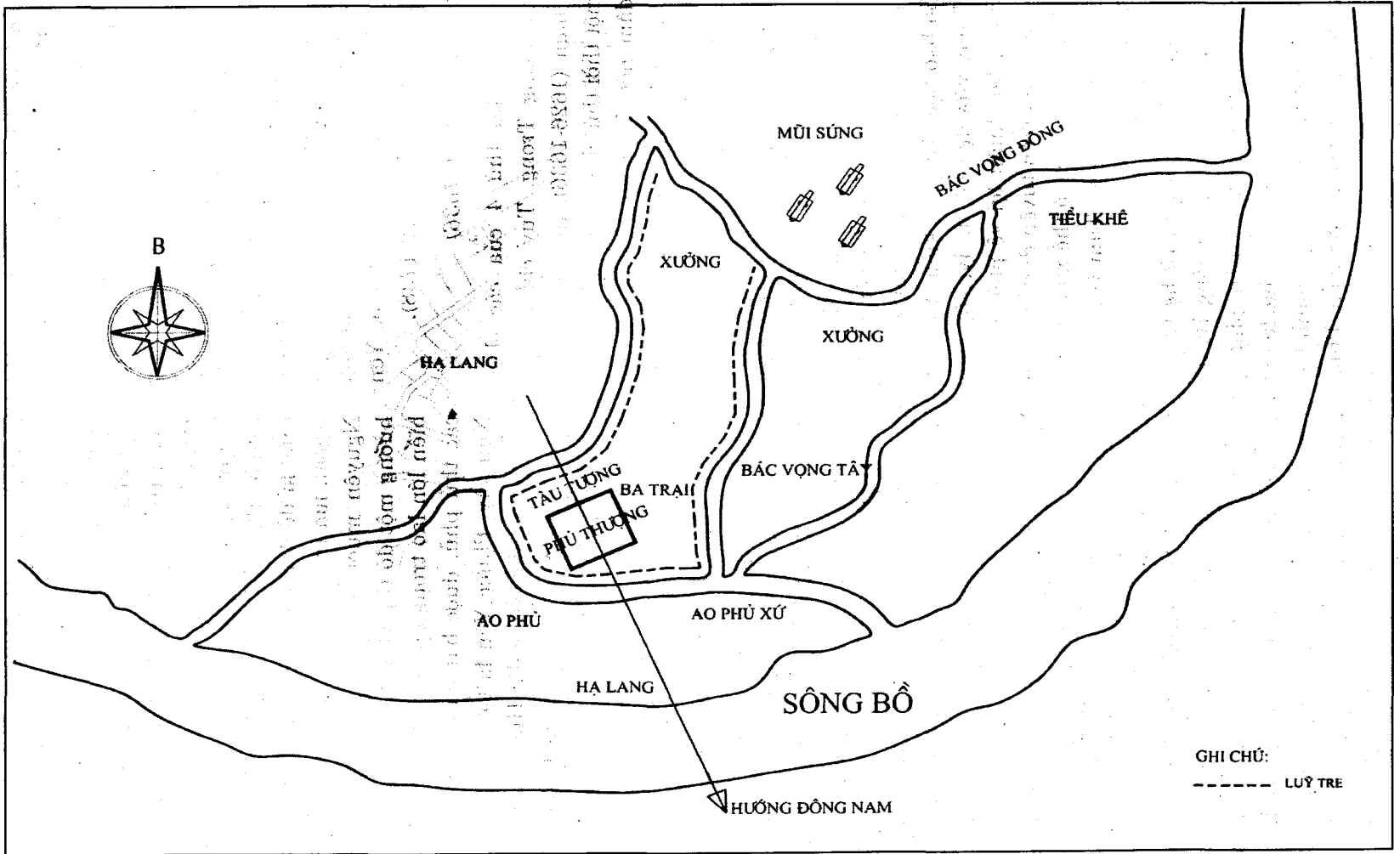
Nguyễn đã hoàn toàn đủ tự tin để cùng chúa Trịnh “rach đôi sơn hà”.

Vì vậy, dù Phước Yên chỉ là bước dừng chân tạm thời để chúa Nguyễn còn tiến xa hơn nữa nhưng nó vẫn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của Đàng Trong. Trên một ý nghĩa khác, việc “nâng cấp” thủ phủ của mình từ “Dinh” trở thành “Phủ” không chỉ đơn thuần về hình thức là để đối sánh với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, mà trên thực tế, chúa Nguyễn Phúc Nguyên muốn xây dựng Phước Yên theo hướng một đô thị. Đây là một bước chuyển biến lớn lao trong quá trình phát triển của các thủ phủ, được bắt đầu tính từ Ái Tử. Như vậy, Phước Yên là tiền đề để sau đó, khi chuyển đến vùng đất Huế, thủ phủ của chúa Nguyễn sẽ trở thành “một đô thị lớn”- theo cách nói của giáo sĩ Alexandre de Rhodes.

Phủ Bắc Vọng (1712-1738)

Bắc Vọng lại là một thời kỳ quá độ khá đặc biệt trong quá trình xây dựng thủ phủ của các chúa Nguyễn. Dù đã tìm được vị trí được xem là rất đắc địa như đất Phú Xuân, nhưng thủ phủ của chúa Nguyễn cũng chỉ “dùng chân” được hơn một phần tư thế kỷ (1687-1712). Năm 1712, Minh vương Nguyễn Phúc Chu đã chọn bãi phù sa bên bờ Bắc sông Bồ, thuộc địa phận xã Bắc Vọng huyện Quảng Điền để xây phủ chính. Quyết định trên đã khiến cho nhiều người rất ngạc nhiên và không thể lý giải được nguyên nhân (5). Tuy nhiên, theo chúng tôi, nguyên nhân của sự dời chuyển này có thể nảy sinh từ chính những điều bất lợi đối với chúa Nguyễn trong thời gian hơn 25 năm (1687-1712) đóng ở đất Phú Xuân (6) và sức hấp dẫn của vùng đất mới ở lưu vực sông Bồ cũng là một nguyên nhân quan trọng.

SƠ ĐỒ 5: THỦ PHỦ BẮC VỌNG (1712-1738) (Dựa theo bản đồ tỷ lệ 1: 10.000)



Bỏ đất Phú Xuân để ra đóng phủ chính ở Bắc Vọng, chúa Nguyễn Phúc Chu ắt hẳn còn bị hấp dẫn bởi các yếu tố “địa lợi” của mảnh đất ven sông Bồ này.

Từ kết quả khảo sát và nghiên cứu về thủ phủ Bắc Vọng chúng tôi đã xác định được vị trí và quy mô của thủ phủ này (Xem sơ đồ 5). Những đặc điểm của Bắc Vọng cho thấy thủ phủ này chỉ đơn giản là một trung tâm đầu não về chính trị hành chính. Bắc Vọng thuần túy chỉ mang tính chất của một khu vực “đỡ” chứ không có phần “thị”. Quy mô và cách bố trí của thủ phủ chúa Nguyễn thời kỳ này gần tương tự như thời kỳ Phước Yên (1626-1636). Nó thiếu hẳn sự kết hợp với phần “thị” kiểu như thời kỳ phủ chúa đóng ở Kim Long, Phú Xuân.

Trong suốt thời kỳ phủ chúa đóng ở Bắc Vọng, các thủ phủ cũ ở Kim Long, Phú Xuân, dĩ nhiên không còn là đầu não về chính trị, hành chính của Đàng Trong, nhưng đây vẫn là nơi chúa Nguyễn thường xuyên lui tới. Khu vực Phú Xuân-Thanh Hà vẫn là một nơi đô hội lớn với các hoạt động kinh tế rất nhộn nhịp. Chính vì thế dù mất đi vai trò đầu não về chính trị, Phú Xuân vẫn không bị đứt gãy về mạch phát triển đô thị (7).

Thủ phủ Bắc Vọng thực chất chỉ là nơi đóng phủ chính của chúa Nguyễn Phúc Chu và Nguyễn Phúc Chú. Chức năng chủ yếu của thủ phủ này là chức năng chính trị: Nơi ở và làm việc chính của chúa cùng triều đình. Bắc Vọng hoàn toàn không phải là một đô thị và chúa Nguyễn cũng không hề có ý định xây dựng nơi đây trở thành một đô thị. Bởi vậy, Bắc Vọng chỉ là một bước dừng chân rất tạm thời. Quá trình đô thị hoá thủ phủ của chúa Nguyễn chỉ tiếp tục khi họ quay trở lại Phú Xuân lần thứ hai.

Như vậy, trước khi gắn liền với hệ sông Hương để tạo nên đô thị Huế, thủ phủ của các chúa Nguyễn đã trải qua 5 lần dời dựng, thay đổi vị trí. Đó là Ái Tử (1558-1670), Trà Bát (1570-1600), Dinh Cát (1600-1626), Phước Yên (1626-1636) và Bắc Vọng (1712-1738). Nói chung trừ trường hợp đặc biệt là thời kỳ Bắc Vọng, quá trình trên có hai đặc điểm nổi bật: Thứ nhất là sau mỗi lần thay đổi và tái xây dựng, quy mô của các thủ phủ lại càng lớn lên nhằm đáp ứng vai trò trung tâm của vùng Thuận Hóa, rồi Đàng Trong ngày càng mở rộng; Thứ hai là vị trí của các thủ phủ dịch chuyển dần về phía Nam và ngày càng tiến sát đến vị trí của Huế.

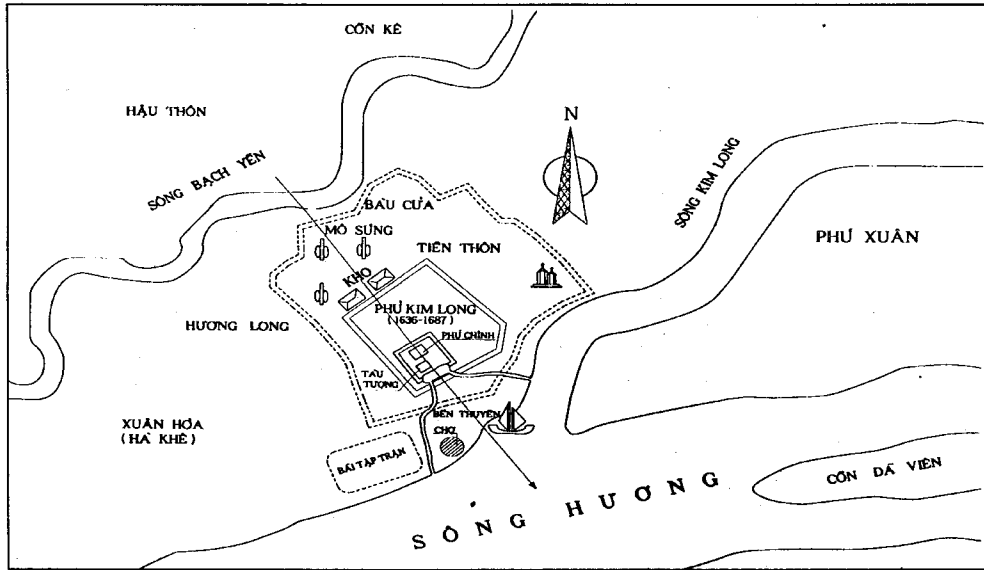
3. Kim Long (1636-1687), Phú Xuân (1687-1712 và 1738-1775) - Những thủ phủ bên bờ sông Hương

a. Thủ phủ Kim Long (1636-1687)

Sau khi kế vị chúa Nguyễn Phúc Nguyên chưa đầy 2 tháng, tháng 12 năm Ất Hợi (tháng 1-1636), chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan đã cho dời thủ phủ từ Phước Yên về Kim Long và xây dựng nó trở thành một “đô thị lớn”. Quá trình đô thị hóa thủ phủ của các chúa Nguyễn thực sự là một bước phát triển mới.

Làng Kim Long bên bờ sông Hương có diện tích khoảng 40ha với địa thế tuyệt đẹp cả về cảnh sắc lẫn phong thủy. Phía Nam giáp sông Hương; Phía Đông giáp Vạn Xuân và Phú Xuân; Phía Tây giáp Hà Dương (Phú Xuân) và An Đường (Xuân Hòa); Phía Tây-Bắc giáp Trúc Lâm, An Ninh Thượng; Phía Bắc giáp An Hòa và Hương Sơ. Trong địa phận của làng Kim Long, ngoài sông Hương ở phía Nam còn có sông Kim Long (tức sông Lấp) ngăn cách làng với Phú Xuân và Vạn Xuân và sông Bạch Yến chảy ngang qua giữa làng. Cả hai con sông này đều là chi lưu của sông

SƠ ĐỒ 6: THỦ PHỦ KIM LONG (1636-1687)



Hương, chúng vừa tạo nên vẻ đẹp trữ tình, vừa tạo nên địa thế rất “đắc lợi” của Kim Long (“Tứ thủy triều quy”, rất thuận lợi về giao thông đường thủy, tiện lợi về phòng ngự vì có các hào tự nhiên che chắn, thuận lợi về phát triển kinh tế vì đất đai màu mỡ).

Quyết định chọn đất Kim Long để xây dựng thủ phủ của chúa Nguyễn Phúc Lan là thực sự dựa trên thế mạnh của vùng đất này. Nếu so với các địa điểm đã từng đóng thủ phủ trước đó như Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát hay Phước Yên thì Kim Long rõ ràng có nhiều ưu điểm hơn. Ngoài ra, Kim Long còn đáp ứng được nhu cầu “dịch chuyển về phía Nam” và xu hướng “Nam tiến” của Đàng Trong, nâng cao khả năng bảo vệ an toàn cơ quan đầu não của Đàng Trong khi cuộc chiến tranh với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài đã trở nên vô cùng khốc liệt.

Thủ phủ Kim Long được xây từ năm 1635, sau khi chúa Nguyễn Phúc Lan lên ngôi nhưng đến đầu năm 1636 thì mới hoàn thành và chính thức trở thành thủ

phủ của Đàng Trong. Thủ phủ Kim Long đã tồn tại 51 năm, qua hai đời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) và Nguyễn Phúc Tần (1648-1687).

Theo mô tả của các chứng nhân người nước ngoài, Kim Long lúc bấy giờ thường được gọi là Kẻ Huế đã là một đô thị lớn, được quy hoạch khá quy mô với dân số đông đúc (8).

Thủ phủ Kim Long gồm 3 lớp tường-lũy, tạo nên 3 khu vực:

- Khu vực phủ chính (trung tâm): Chủ yếu trên đất của xóm Thượng Dinh. Ở đây có phủ chúa, các cơ quan đầu não của triều đình, các đơn vị lính bảo vệ và chuồng nuôi voi ngựa của chúa. Khu vực này được giới hạn bởi vòng tường thành xây bằng gạch đá.

- Khu vực thứ hai: Được giới hạn bằng hàng rào hoặc bờ tường thấp xây bằng các loại đá gan gà, đá tổ ong, bên ngoài còn có hành lang có mái che. Bên trong khu vực này là phủ đệ của các quan lại, tướng lĩnh cao cấp, thân vương, được bố trí trong từng

khuôn viên vuông vắn, đăng đối mà chúng ta có thể thấy hình ảnh thu nhỏ của chúng qua các ô học trang trí trên thân các vạc đồng thời kỳ này. Phạm vi của khu vực này chủ yếu là hai xóm Trung Dinh, Hạ Dinh và một phần của xóm Tân Hội.

- Khu vực thứ ba: Được giới hạn bằng vòng tường lũy rộng nhất của thủ phủ Kim Long. Chúng tôi gọi là vòng tường-lũy vì nó được xây dựng kết hợp bởi lũy tre dày bên ngoài và vòng tường xây bằng các loại đá ở bên trong. Khu vực này có các đơn vị chiến đấu thường trực, nhà kho, mô súng và một số phủ đệ khác.

Từ những nguồn tư liệu và khảo sát thực tế, chúng tôi đã xác định vị trí, quy mô của thủ phủ Kim Long (Xem sơ đồ 6). Qua sơ đồ này chúng ta có thể thấy, Kim Long với mô hình đô thị cổ đã hoàn chỉnh với hai trung tâm chính trị, kinh tế lớn là Kim Long và Thanh Hà. Kim Long là thủ phủ là đầu não về chính trị, quân sự và hành chính. Giáo sĩ A.de Rhodes luôn gọi đây là "thành phố lớn". Còn cảng Thanh Hà, được hình thành gần như đồng thời với phủ Kim Long, cách Kim Long 7km về phía Hạ lưu sông Hương, đóng vai trò là một trung tâm giao dịch thương mại có tầm cỡ quốc tế, nhằm đáp ứng các nhu cầu về ngoại giao, kinh tế cho phủ chúa cũng như trên toàn khu vực Huế.

Hệ thống các làng nghề thủ công ở vùng Huế đã xuất hiện khá nhiều. Chúng nằm chung quanh khu vực phủ chúa hoặc đan xen trong các làng xã chuyên sản xuất nông nghiệp (9). Sự phát triển của hệ thống làng mạc-dân cư (bạo gồm cả làng thủ công và làng nông nghiệp) chung quanh hai trung tâm Kim Long và Thanh Hà đã tạo nên vẻ trù phú, đông đúc đặc biệt của vùng Huế lúc bấy giờ.

Qua những nét phác họa trên đây về thủ phủ Kim Long và của toàn khu vực Huế trước năm 1687, chúng tôi cho rằng với hơn 50 năm tồn tại, Kim Long đã thực sự làm biến đổi diện mạo của Huế, đưa quá trình đô thị hóa ở khu vực này lên một bước phát triển mới kể từ sau thời kỳ Hóa Châu. Có thể nói Kim Long đã kế thừa và phát huy được các kinh nghiệm về xây dựng đô thị từ cả hai luồng, một là từ các thủ phủ trước đó từ phía ngoài chuyển vào và hai là từ dưới Hóa Châu chuyển lên. Điều đó khẳng định rằng Kim Long chính là tiền thân trực tiếp của Phú Xuân-Huế và chuẩn bị các cơ sở đầu tiên cho việc xây dựng đô thị này.

b. Thủ phủ Phú Xuân lần thứ nhất (1687-1712)

Sau hơn 50 năm tồn tại ở Kim Long và dù nơi đây đã được kiến thiết thành một "đô thị lớn", thủ phủ các chúa Nguyễn lại tiếp tục quá trình di chuyển, dời dựng để mong tìm được một vị trí "đắc địa hơn". Đó là làng Phú Xuân ở Hạ lưu, cách Kim Long gần 3 km. Năm 1687, chúa Nguyễn Phúc Thái cho chuyển thủ phủ về đây và mốc thời gian này được đa số các nhà nghiên cứu cho rằng là thời điểm khai sinh của đô thị Huế.

Đất làng Phú Xuân tỏ ra có ưu thế hơn hẳn vùng Kim Long. Làng Phú Xuân là hậu thân của làng cổ Thụy Lôi, lúc bấy giờ có phần đất chủ yếu nằm trên "hòn đảo" được tạo bởi dòng sông Hương chảy vòng trước mặt và sông Kim Long chảy bao sau lưng. Đây là vùng đất rộng rãi, bằng phẳng, lại nằm ngay ở vị trí đầu mối của các tuyến giao thông quan trọng nhất từ Bắc vào Nam, từ Tây sang Đông. Phú Xuân có nhiều thuận lợi cho việc xây dựng trung tâm đô thị và phát triển mở rộng quy mô đô thị ra nhiều hướng.

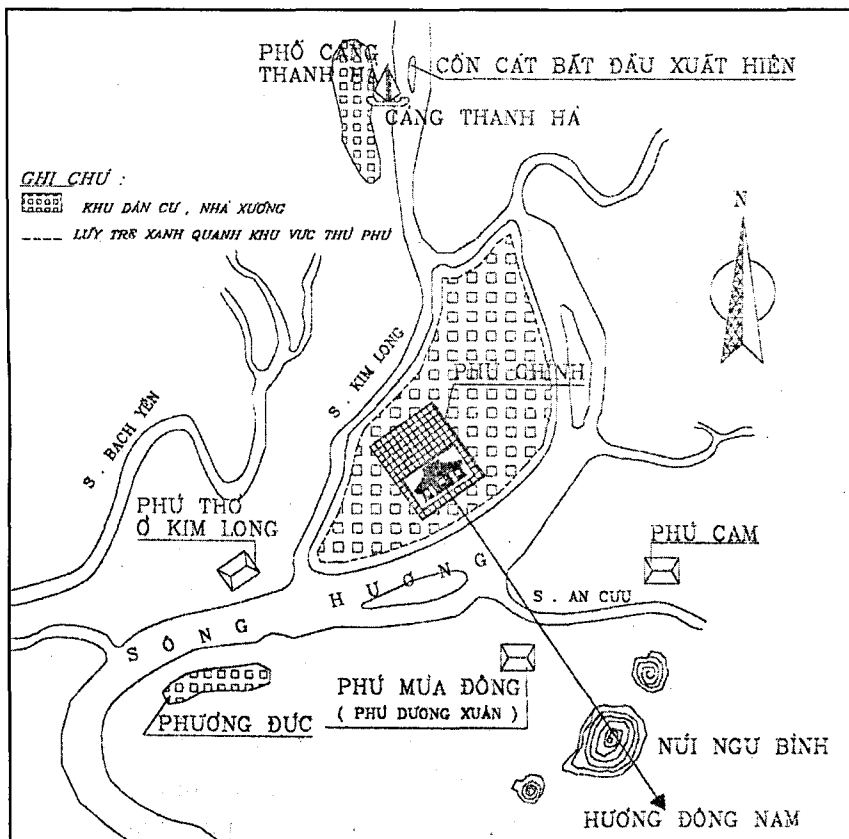
Việc chuyển thủ phủ từ Kim Long xuống Phú Xuân, tức xuống miền Hạ lưu sông Hương còn nhằm mục đích thu ngắn khoảng cách về địa lý giữa phần "đô" và phần "thị". Phần "đô" chính là phủ chính Phú Xuân, đầu não chính trị, quân sự, hành chính của cả Đàng Trong. Còn phần "thị" thì chính là phố cảng Thanh Hà - một cảng thị quốc tế đang ở trong giai đoạn phát triển phồn thịnh nhất. Điều này vừa biểu hiện xu thế của thời đại vừa cho thấy cái nhìn sáng suốt, thức thời của chúa Nguyễn khi cuộc chiến tranh với quân Trịnh ở phía Bắc đã tạm chấm dứt và công cuộc Nam tiến mở mang bờ cõi đã cơ bản hoàn thành.

Trên đất Phú Xuân đã từng có phủ chính của chúa Nguyễn Phúc Thái, Nguyễn

Phúc Chu, đô thành thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Phúc Thuận (sau được nhà Tây Sơn kế thừa) và Kinh thành xây dựng thời Nguyễn. Ngoài những gì hiện thấy do triều Nguyễn để lại, những dấu vết vật chất thời kỳ phủ Phú Xuân (1687-1712) hay thời kỳ đô thành (1738-1775) đều gần như không còn gì. Bởi vậy, việc xác định vị trí của thủ phủ Phú Xuân hay đô thành là rất khó khăn. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả khảo sát thực tế có đối chiếu với các tư liệu, đến nay chúng tôi đã xác định vị trí của thủ phủ Phú Xuân (Xem sơ đồ 7).

Trên sơ đồ, trung tâm của thủ phủ Phú Xuân (và cả đô thành sau đó) gần như nằm ở điểm giữa của Vương đảo (tính theo chiều dài của đảo). Đây chính là vị trí mà Lê Quý

SƠ ĐỒ 7: THỦ PHỦ PHÚ XUÂN I (1687-1712)



Đôn đã ca ngợi là chỗ nổi bật giữa đất bằng, ngôi vị càn trông hướng tốn, dựa ngang sống đất, trông xuống bến sông. Điều này cũng phù hợp với kết quả khảo sát về mặt địa mạo bên ngoài Kinh thành Huế hiện nay. Theo kết quả khảo sát, khu vực Hoàng thành và góc Đông Nam của Kinh thành là những vùng đất ổn định nhất về mặt địa chất-thủy văn. Còn nếu quan sát trên bản đồ địa hình của khu vực Kinh thành, chúng ta cũng dễ dàng nhận ra đây là những khu vực cao nhất.

Theo mô tả của cha Koffler thì thủ phủ Phú Xuân có vòng tường rất chắc chắn bao bọc. Tuy nhiên theo Hoà thượng Thích Đại Sán, người từng đến Huế năm 1695, thì đây chỉ là một... "vòng tường thấp, rộng chừng một, hai dặm" (10). Nghĩa là quy mô của phủ lúc bấy giờ không lớn lắm, có lẽ nó chỉ bằng non nửa diện tích của Hoàng thành thời Nguyễn.

Bên trong vòng tường thành này chúa Nguyễn Phúc Thái đã cho xây cung điện, đào hồ lớn, trồng hoa cỏ cây cối, thể chế rất tráng lệ. Sau khi Nguyễn Phúc Thái mất (1691), vị chúa kế vị là Nguyễn Phúc Chu đã cho xây dựng thêm nhiều công trình kiến trúc nữa để hoàn chỉnh bộ mặt của thủ phủ. Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng có những thông tin về điều này, chẳng hạn, năm 1693 "Sửa công phủ, những điểm quán ở các cửa trong ngoài phủ bắt đầu lợp ngói" (11). Năm 1694, "dựng thêm ở trong phủ 3 tòa hành lang, mỗi tòa 50 gian" (12)... Tuy nhiên, chúa Nguyễn Phúc Chu cũng đã ra lệnh toàn bộ việc xây dựng ở thủ phủ mới này đều noi theo quy chế của thủ phủ Kim Long thời chúa Nguyễn Phúc Tần.

Bên ngoài vòng thành nói trên lại có một lớp lũy tre bảo vệ cho vương phủ. Cũng như ở thủ phủ Kim Long, các phủ đệ, các doanh trại quân đội, nhà xưởng, kho tàng được

xây chia ra thành từng ô bên ngoài trên toàn bộ đất đai của Vương đảo. Còn lớp lũy ngoài cùng bao bọc lấy cả hòn đảo này cũng là lũy tre gai. Hoà thượng Thích Đại Sán viết: "Sáp đến vương phủ, mệnh môn không có thành quách, chung quanh trồng tre gai làm rào, trong tre cất một hàng trại lợp bằng cỏ tranh; mỗi trại đều có đặt súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khám châu sa phi thủy, văn vẻ sáng ngời... Sau trại súng lại có hàng rào tre gai, phía trong có vòng tường thấp, rộng chừng một hai dặm, vương phủ ở trong ấy" (13).

Ngoài phủ chính Phú Xuân trên Vương đảo, chúng ta cần nhớ rằng lúc bấy giờ ở khu vực Kim Long còn có phủ thờ chúa Nguyễn Phúc Tần với những nhà cửa, phủ đệ của các bà phi, các thân vương quan lại. Ở bên bờ đối diện của sông Hương, bên cạnh bờ sông An Cựu thì đã có phủ An Cựu (trên Bình Nam Đồ của Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774 là *Phủ Cam*?) dựng vào khoảng năm 1686-1687, phủ Dương Xuân (tức phủ Ấn) được tu bổ vào năm 1700, còn ở dưới vùng Hạ lưu, cách phủ chính gần 4km là phố cảng Thanh Hà đang trong thời kỳ phát triển phồn vinh nhất... Điều đáng nói thêm ở đây là ngay ở Vương đảo, ở phía Đông của thủ phủ Phú Xuân, cạnh bờ sông đã xuất hiện chợ Dinh (*Dinh thị* trên bản đồ của Bùi Thế Đạt) là một chợ lớn của toàn vùng, hàng hóa quốc tế và từ các địa phương trong nước sau khi đến cảng Thanh Hà sẽ được chuyển lên đây để phục vụ cho các nhu cầu của vương phủ. Vị trí của chợ Dinh lúc này có lẽ ở khoảng đầu đường Chi Lăng hiện nay.

Diện mạo của thủ phủ Phú Xuân (1687-1712) cho thấy, ngay trong thời kỳ mới được khai sinh, đô thị Phú Xuân-Huế đã có những bước phát triển rất cơ bản. Đó là sự

mở rộng quy mô đô thị, là sự thắt chặt và phát triển yếu tố "thị" đi đôi với sự củng cố phần "đô". Phú Xuân thể hiện sự kế thừa và phát triển của thời kỳ Kim Long để bảo đảm được vai trò là trung tâm hàng đầu về chính trị, quân sự, hành chính, kinh tế của Đàng Trong trong tình hình mới. Chính nhờ sự khẳng định được vai trò của mình mà Phú Xuân đã trở thành vùng đất không thể thay thế. Vậy nên, dù sau này chúa Nguyễn có chuyển phủ chính ra Bắc Vọng một thời gian thì đó cũng chỉ là một sự thay đổi rất tạm thời. Sự nghiệp 200 năm của chúa Nguyễn ở đất Đàng Trong sẽ rạng rỡ nhất khi chúa Nguyễn Phúc Khoát tái lập đô thành trên đất Phú Xuân ít năm sau đó.

c. Đô thành Phú Xuân (1738-1775)

"Mùa hạ, tháng 4, ngày Nhâm Dần" (tức ngày 7/6/1738), sau 13 năm cầm quyền, chúa Nguyễn Phúc Trú mất, thọ 43 tuổi. Chỉ 7 ngày sau khi cha qua đời, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, vị chúa kế nhiệm đã quyết định đưa thủ phủ trở lại Phú Xuân (14). Phú Xuân vốn được gọi là Chính dinh, sau khi chúa lên ngôi vương được đổi làm Đô thành.

Một trong những tư liệu quan trọng nhất thường được dẫn ra khi mô tả về Đô thành Phú Xuân là sách *Phủ Biên tạp lục* của Lê Quý Đôn. Với tư cách làm một chứng nhân lịch sử, Lê Quý Đôn đã ghi lại hầu như tất cả những gì mà ông từng nghe, nhìn hoặc hiểu biết về đất Thuận Hóa khi ông đặt chân đến đây năm 1776. Dưới ngòi bút của Lê Quý Đôn, Đô thành Phú Xuân hiện lên thật hoành tráng, lộng lẫy (15). Trước Lê Quý Đôn gần 40 năm, vào năm 1740, thầy tu Favre, thư kí của giám mục De la Baume đã có một chuyến du hành đến Đàng Trong cùng vị giám mục này. Ông đã mô tả về Đô thành Phú Xuân sau

khi chúa Nguyễn Phúc Khoát tái lập thủ phủ được hơn một năm: "Đàng Trong... chỉ có một thành phố, mà người ta gọi theo tiếng địa phương là Huế và theo tiếng Latinh Bồ Đào Nha là Sinoa: tuy nhiên không phải là trong các dinh khác không có những thị trấn có thể được gọi là thành phố nếu chỉ tính đến số lượng lớn những người sống trong đó. Nhưng vì sự quan trọng hay vì sự tôn kính đối với triều đình mà người ta muốn chỉ có một thành phố. Tôi đã đến thành phố, tức là đến Huế, hay đến Triều Đình. Thành phố duy nhất này là một tập hợp những công trình kiến trúc được phân chia thành khu phố tạo thành như những thôn và làng. Thành phố được xây dựng trong một bình nguyên đẹp, được phân chia từ phía mặt trời mọc đến phía mặt trời lặn bằng một con sông lớn. Nước sông chảy nhẹ nhàng, trên sông có một số thuyền chiến, những thuyền lớn và thuyền nhỏ. Trên bờ sông người ta thấy những cung điện đẹp nhất, vài cái lợp ngói, những cái khác lợp bằng rơm hay tranh, những cửa hàng giàu có nhất và những quảng trường rộng lớn nhất...".

"Phủ của chúa nằm ở phía Bắc của sông lớn, trên một hòn đảo dài khoảng 1 dặm, tạo thành do một con kênh hình vòng cung. Các quan lớn và các vương công của triều đình cũng ở trên hòn đảo nhỏ này. Đảo được gọi là Vương đảo. Phủ của chúa chỉ có một tầng, tất cả đều được làm bằng gỗ, những chiếc cột làm bằng gỗ mun đen bóng và để tự nhiên. Phủ được xây đắp gần như là một cái thành không có hào, được bao vây chung quanh bằng những trại lính hình vuông. Bên ngoài còn có những lối đi chung quanh cách 4 bước lại đặt một khẩu súng đại bác bằng gang có hình cỡ bình thường với 6 người lính canh giữ. Vị trí phủ rất rộng và có thể có đến hơn 100 khẩu đại bác được đặt ở hai phía, hướng mặt trời mọc và hướng Nam, nơi có những

công vào dẫn đến những trạm gác đầu tiên. Người nước ngoài, nếu không có một ân huệ đặc biệt thì không bao giờ được vào bên trong phủ. Trong số các người châu Âu, hiện nay chỉ có một người được phép đi vào khắp nơi ngay cả vào khu dành cho các cung phi. Đó là đức cha Siebert, giáo sĩ dòng Tên, thầy thuốc, quan triều đình, nhà toán học và là người trông nom các con chó nuôi của chúa" (16).

Xét theo nghĩa rộng, Đô thành Phú Xuân có qui mô khá lớn và đã được qui hoạch khá ngăn nắp theo trục chính là dòng sông Hương. Ở phía Tây - Nam Đô thành, trên Thượng nguồn sông Hương là lăng mộ của các vị chúa tiền triều (xem Giáp Ngọ Niên Bình Nam Đồ của Bùi Thế Đạt đã có *Đoan Công Mộ* - tức lăng mộ chúa Nguyễn Hoàng, *Thụy Quận Mộ* - tức lăng mộ chúa Nguyễn Phúc Nguyên, *Nhân Quận Mộ* - tức lăng mộ chúa Nguyễn Phúc Lan). Còn ở phía dưới, như Lê Quý Đôn đã mô tả về phía Bắc sông Hương: Trên thì có

phủ thờ ở Kim long, ở giữa có cung phủ hành lang, dưới thì có nhà cửa ở Phủ Ao. Về phía bờ Nam có phủ Dương Xuân và phủ Cam, trên chút nữa có phủ Tập Tượng. Nhà cửa, doanh trại của binh lính, phủ đệ của các bậc thân vương, quan lại thì bố trí kiểu ô bàn cờ dọc hai bờ sông Hương và sông An Cựu. Ở phía Hạ lưu thì có phố chợ liền kề, buôn bán tấp nập nối liền với thương cảng Thanh Hà vẫn đang ở trong thời kỳ phồn thịnh (trên Bình Nam Đồ của Bùi Thế Đạt, Thanh Hà được ghi rõ bằng tên gọi *Đại Minh Phố*).

Như vậy, qui hoạch đô thị của Đô thành Phú Xuân đã khá hoàn chỉnh và về cơ bản, nó đã tương tự như qui hoạch Kinh đô Huế đầu thế kỷ XIX. Dĩ nhiên, mức độ tập trung và qui mô đô thị của hai thời kỳ này chắc chắn là đang còn chênh lệch nhau rất nhiều (17).

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1), (4). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục tiền biên*. Bản dịch Viện Sử học. Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962; tr. 41, 37.

(2). Trần Quốc Vương. *Xứ Huế và vị thế lịch sử của nó*. Trong: *Theo dòng lịch sử*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 392.

(3). Xem thêm: Phan Thanh Hải. *Hệ thống thủ phủ các chúa Nguyễn trên đất Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*. Tạp chí Thông tin Khoa học & Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1-1998. Phần I: *Những thủ phủ đầu tiên trên đất Quảng Trị: Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát*.

(5). Linh mục L.Cadière cũng nhận định: "Chúng ta hiểu rằng các chúa Nguyễn đã do dự lúc ban đầu trong việc chọn lựa chỗ ở của họ và Tế Vương (Nguyễn Phúc Nguyên) đã lập phủ tại Phước Yên, Công Thượng Vương (Nguyễn Phúc Lan) tại Kim Long. Nhưng sau khi họ đã chọn được nơi mà ngày nay Kinh thành được xây dựng, thật không thể hiểu được khi một trong số họ là Minh Vương lại bỏ chỗ đến lập phủ tại một nơi ít thích hợp nhất cho việc thiết lập một chỗ ở của vua chúa như Bác Vọng".

(6). Đọc kỹ bộ *Đại Nam thực lục tiền biên* (ĐNTLTB) của Quốc Sử quán triều Nguyễn có lẽ

chúng ta đều nhận ra rằng, 25 năm (1687-1712) đóng thủ phủ ở Phú Xuân chính là quãng thời gian có nhiều thiên tai và “điềm dữ” nhất của Đàng Trong. Chỉ trong khoảng thời gian khá ngắn ngủi này, ĐNLTB đã 41 lần đề cập đến các tai họa do thiên tai gây ra và các điềm dữ, trong đó 9 lần là lụt to hay gió bão làm chết người; 5 lần là hoả hoạn lớn làm cháy hàng trăm thậm chí hàng vạn nhà; 20 lần là hiện tượng nhật thực hoặc mặt trời có quầng đen hoặc có cầu vồng trắng; 1 trận sâu bọ phá hoại mùa màng trên diện lớn; 4 trận động đất lở đất; 2 lần là hạn hán và 3 lần là các điềm dữ khác.

Diễn hình là trận hoả hoạn tháng 7 năm Giáp Ngọ (1704), làm cháy hơn 1 vạn nhà từ chợ Phú Xuân đến phủ Đồng Trì (3); Trận bão lớn kèm theo lũ lụt tháng 10 năm Mậu Dần (1698) đã phá hỏng rất nhiều nhà cửa, làm chết nhiều người... Không chỉ có thiên tai mà “dịch hoạ” cũng là một mối đe dọa thường xuyên trong thời gian này. Dù cuộc chiến với quân Trịnh ở Đàng Ngoài đã tạm yên nhưng ở phía Nam, sự nổi dậy của người Chăm-pa, người Chân Lạp vẫn diễn ra không ngừng. Đã thế, trong nội bộ gia đình chúa Nguyễn cũng không yên ổn. Năm Kỷ Sửu (1709), phò mã Tống Phước Thiện đã cấu kết với nhiều người, trong đó có cả thân vương Tôn Thất Thận âm mưu làm phản... Tất cả những điều đó chắc hẳn đã tác động rất mạnh đến tư tưởng của chúa Nguyễn Phúc Chu, khiến ông phải tìm cách đối phó để lập lại sự “yên ổn” cho triều đại mình.

(7). Theo chúng tôi, đây chính là lý do khiến Lê Quý Đôn trong sách *Phủ Biên tạp lục* đã cho rằng, Đô thành Phú Xuân tráng lệ thời ông tiếp quản (1776) là kết quả của sự phát triển liên tục từ năm Chính Hoà thứ 8 (1687).

(8). Dân số trong phủ Kim Long chắc chắn là rất đông bởi vì chỉ riêng số binh lính đóng ở đây đã có từ 5-6 ngàn người. A.de Rhodes luôn gọi Kim Long là “thành phố lớn” và hầu hết các nhà cửa, công trình ở thành phố này đều được xây dựng rất

cầu kỳ, đẹp đẽ dù chúng đều là những kiến trúc gỗ, lợp tranh.

(9). Xem trong bản đồ *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* vẽ vào cuối thế kỷ XVII, có lẽ vào thời điểm thủ phủ mới chuyển về Phú Xuân, chúng ta thấy các “xưởng” (tức xưởng thủ công) có mặt rất nhiều ở vùng Huế. Trước đó, từ nửa đầu thế kỷ XVII, chúa Nguyễn đã lập ra Phường Đức để rồi nơi đây đã tạo được những sản phẩm nổi tiếng như vạc đồng, đại bác mà sau này chúng ta còn thấy.

(10). Thích Đại Sán. *Hải ngoại ký sự*. Viện Đại học Huế, Uỷ ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, 1963, tr. 34.

(11). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục (tiền biên)*. Bản dịch Viện Sử học, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 148.

(12). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục (tiền biên)*. Sđd, tr.151.

(13). Thích Đại Sán. *Hải ngoại ký sự*. Sđd, tr. 34.

(14). Như ở phần viết trước chúng tôi đã nhận định, việc chuyển thủ phủ từ Phú Xuân ra Bắc Vọng của chúa Nguyễn Phúc Chu chỉ là một việc làm có tính chất tạm thời. Về tất cả mọi phương diện, vị trí Bắc Vọng đều không thể so sánh với Vương đảo mà trung tâm là Phú Xuân. Vậy nên, quyết định đưa thủ phủ trở lại Phú Xuân của chúa Nguyễn Phúc Khoát là một việc làm mang tính tất yếu. Thêm nữa, việc trở lại Phú Xuân lần này, ngoài nguyên do thế mạnh của vùng đất mà ở phần viết trước chúng tôi đã phân tích, còn có một nguyên nhân về mặt tâm linh rất quan trọng. “Chúa cho rằng lời sấm có nói “Tám đời trở lại Trung đô”, bèn đổi y phục, thay phong tục, công dân đổi mới, chiêm chước chế độ các đời, định triều phục văn võ... Thế là “văn vật một phen đổi mới” (xem: *Đại Nam thực lục (tiền biên)*. Bản dịch Viện Sử học, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 208). Như vậy, việc đưa thủ phủ quay về Phú Xuân đã được chúa Nguyễn xem là sự kiện “trở lại Trung đô”. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi nó không phải là một sự thay đổi vị trí thủ phủ bình

thường mà thực sự là quyết định định đô của dòng họ Nguyễn ở Đàng Trong. Năm năm sau sự kiện này, chúa Nguyễn Phúc Khoát chính thức lên ngôi “Vương” tại Phú Xuân, đồng thời “khiến gọi nơi phủ ở là điện, đổi chữ “thân” làm chữ “tấu”, phàm văn thư vẫn dùng niên hiệu vua Lê, nhưng với cái thuộc quốc thì xưng là Thiên vương” (xem: *Đại Nam thực lục (tiền biên)*. Bản dịch Viện Sử học, Nxb.Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 206). Quả thực là “văn vật một phen đổi mới”! Một quốc gia độc lập với những thể chế riêng đã được chính thức ban hành. Riêng đất Phú Xuân, vốn chỉ là một thủ phủ nay đã được xác lập với tư cách một Quốc đô.

Tuy nhiên, phải mười năm sau nữa, năm 1754, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát mới có điều kiện xây dựng lại toàn bộ Đô thành Phú Xuân, biến nó trở thành một vùng đất phồn vinh, hoa lệ bậc nhất của Đàng Trong.

(15). Lê Quý Đôn Toàn tập, tập I: *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 112.

(16). Léopold Cadière, *Thủ phủ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong trước Gia Long*, B.E.F.E.O, 1914-1916, bản dịch của Thúy Vy, tr. 145-146.

(17). Xét theo nghĩa hẹp, Đô thành Phú Xuân chỉ là “nơi chúa ở”, tức phủ chính của chúa đóng trên Vương đảo. Khu vực này đã được các nguồn tư liệu từng dẫn ở trên mô tả khá kỹ. Đô thành của Võ vương theo nghĩa này gồm có 3 lớp thành hình vuông lồng vào nhau. Lớp thành ngoài cùng theo mô tả của cha Koffler (người đã từng sống ở Đàng Trong từ năm 1740-1755.

Năm 1747, ông đã được chúa Võ Vương chọn làm ngự y) thì có đến 7 cổng ra vào, trong đó cổng giữa ở mặt nam là cổng chính. Thành có mỗi cạnh dài 545m (280 toires), chu vi là 2180m (1120 toires) (Xem: Vũ Hữu Minh - *Tám bản đồ Huế của Le Floch de la Cardière năm 1787*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “310 năm Phú Xuân - Huế”. Huế, 1997, tr. 321). Trong bản đồ của Le Floch de la Carière có một phần vẽ mặt tiền của một lớp thành với 3 chiếc cổng và một hành lang dài che trước tường thành với chú thích: Mặt tiền hướng ra bờ sông của phủ chính nơi chúa ở. Có lẽ hành lang che trước tường thành này được dựng lên muộn hơn bởi trong mô tả của Koffler, chỉ ở vòng thành thứ hai mới có một hành lang tương tự.

Bên trong vòng tường này, ở phần phía trước là nơi chúa tổ chức lễ thiết triều, các khu vực ở 2 bên và phía sau là những khu vườn, chuồng nuôi các con vật, bể cá... Vòng tường thứ 2, theo Koffler, có 4 cửa xây ngang bằng mặt tường, lại có một hồi lang có mái chạy quanh bên ngoài. Bên trong vòng tường này là nhà cửa của các vị đại thần, thân vương được phép sống kề cận với chúa. Dãy nhà dành cho các cung phi nằm phía sau cùng.

Bên trong vòng tường nhỏ nhất, vòng tường thứ 3 là khu vực dành riêng cho chúa. Trong 5 công trình mà Koffler kể đến, công trình quan trọng nhất có 3 tầng, trên lại có đài quan sát thiên tượng có lẽ là gác Triều Dương, nơi sau này Lê Quý Đôn đã từng ngồi viết *Phủ Biên tạp lục*. Bỏ đứng từ trên gác này, người ta có thể quan sát khắp cả Đô thành trải dài theo dòng Hương Giang.